

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST
Ngày 13 - 6 - 2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Tân

Ông Kim Miên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 07/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/5/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương Thị Ngọc Á, sinh ngày 13/7/1997 (vắng mặt).

Căn cước công dân: 095197005398

Địa chỉ: ấp V, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh ngày 01/01/1991 (vắng mặt).

Căn cước công dân: 095091002942

Địa chỉ: ấp A, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/11/2024 và biên bản ghi lời khai ngày 12/12/2024, bà Dương Thị Ngọc Á trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn C tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện. Bà và ông C có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 83 ngày 18/5/2022. Sau khi kết hôn, bà và ông C chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được,

bà và ông C không còn sống chung từ tháng 7/2022 đến nay. Nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không ai quan tâm đến ai, mỗi người sống một nơi nên chị yêu cầu được ly hôn với ông C.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Á xác định trong thời gian sống chung, bà và ông C không có con chung, tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn C: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn C, nhưng ông C không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra giao, nộp, công khai chứng cứ, cung cấp văn bản xác định ý kiến của mình về yêu cầu xin ly hôn của bà Á, nên căn cứ các Điều 96, 179, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

+ Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Dương Thị Ngọc Á xử cho bà Dương Thị Ngọc Á được ly hôn với ông Nguyễn Văn C. Về con chung, tài sản chung và nợ chung bà Á xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình bà Á phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Văn C là người Việt Nam, theo Công văn số 385/XNC-Đ3 ngày 03/12/2024 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh B xác định ông Nguyễn Văn C đã xuất nhập cảnh Việt Nam 10 lượt, lần xuất cảnh gần nhất vào ngày 24/8/2024 qua Cảng hàng không quốc tế T, đến nay chưa phát hiện thông tin nhập cảnh, nên có căn cứ xác định hiện nay ông C đang cư trú nước ngoài. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc ủy thác tư pháp: Do gia đình ông C không cung cấp được địa chỉ hiện nay ông C đang ở nước ngoài, nên Tòa án không có căn cứ để thực hiện

ủy thác tư pháp văn bản tố tụng cho ông C, các văn bản tố tụng được niêm yết tại nơi cư trú cuối cùng của ông C tại Việt Nam và tại gia đình ông C để làm căn cứ giải quyết vụ án. Sau khi niêm yết các văn bản tố tụng, ngày 29/4/2025 Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu nhận được đơn xin xét xử vắng mặt của ông Nguyễn Văn C đề ngày 25/4/2025 do dịch vụ bưu chính chuyển đến. Tuy nhiên, không có căn cứ xác định đơn xin xét xử vắng mặt do ông C ký, vì theo Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh xác định từ ngày 24/8/2024 đến nay không thấy thông tin nhập cảnh của ông C, nhưng theo dấu bưu cục thể hiện bưu phẩm được phát từ bưu cục T1.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Ngày 06/3/2025 bà Dương Thị Ngọc Á có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, đơn xin xét xử vắng mặt của bà Á đúng quy định pháp luật, nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, các điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 83 do Ủy ban nhân dân xã T, thị xã G cấp ngày 18/5/2022, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà Á và ông C là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật Việt Nam bảo vệ. Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai của bà Á có sơ sở xác định: Sau khi kết hôn bà Á và ông C chỉ sống chung trong một khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, bà Á và ông C không còn sống chung từ tháng 7/2022 đến nay; vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, hiện nay mỗi người ở một nơi, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay bà Á xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”, theo đó, giữa bà Á và ông C đã không còn sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho bà Á được ly hôn với ông C là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[2.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Dương Thị Ngọc Á xác định, bà và ông C không có con chung, tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Dương Thị Ngọc Á, xử cho bà Á được ly hôn ông C, con chung, tài sản chung và nợ chung không có, không xem xét giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, bà Dương Thị Ngọc Á phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, các Điều 227, 228, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 1 Điều 122, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Dương Thị Ngọc Á đối với ông Nguyễn Văn C.

Xử cho bà Dương Thị Ngọc Á, sinh ngày 13/7/1997 được ly hôn với ông Nguyễn Văn C, sinh ngày 01/01/1991.

2. Về con chung: Bà Dương Thị Ngọc Á xác định không có, không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Dương Thị Ngọc Á xác định không có, không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Dương Thị Ngọc Á phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), bà Dương Thị Ngọc Á (do ông Dương Văn C1 nộp thay) tạm ứng án phí số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0009426 ngày 22/11/2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

5. Quyền kháng cáo: Bà Dương Thị Ngọc Á và ông Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp . HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- UBND xã Tân Phong;
- Chi cục THADS thị xã Giá Rai;
- Đường sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Anh Tuấn